

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NK
THÀNH PHỐ CT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2020/HNST
Ngày: 19/8/2020
V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK, THÀNH PHỐ CT

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Anh Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Anh Khoa**

2. Bà **Nguyễn Lệ Huyền**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận NK.

Ngày 19/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận NK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2020/TLST–HNST ngày 24/4/2020 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2020/QĐXXST ngày 31/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1992 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp Trường Hiệp, xã Trường Long A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông **Trần Kim L**, sinh năm 1986

Địa chỉ: 250/8 Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận NK, thành phố CT (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày:

Bà T và ông L tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Cái Khế, quận NK, thành phố CT. Quá trình chung sống thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau và thời gian mâu thuẫn kéo dài. Nay tình cảm không thể hàn gắn nên bà T xin được ly hôn với ông L.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Kim N (nữ) sinh ngày 17/10/2013 và Trần Kim A (nữ) sinh ngày 05/5/2016. Bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Trần Kim L vắng mặt không rõ lý do dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T xin được ly hôn, về con chung bà trình bày hiện nay hai con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Bà đồng ý xét xử vắng mặt ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Bà T và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, khi có yêu cầu ly hôn sẽ được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về phần thủ tục*: Ông Trần Kim L đã được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử hai lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Thành là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc thì mâu thuẫn phát sinh. Mâu thuẫn chủ yếu là do sự bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có sự chăm sóc và chia sẻ với nhau trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Mặc dù, ông bà nhiều lần tìm cách hàn gắn, sửa đổi nhưng không mang lại kết quả. Nay bà T nhận thấy tình cảm không còn nên có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông L. Ông L được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng mời tham dự phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không rõ lý do chứng tỏ ông cũng không còn tha thiết gì đối với cuộc hôn nhân này. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Phúc là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Có 02 con chung là cháu Trần Kim N (nữ) sinh ngày 17/10/2013 và Trần Kim A (nữ) sinh ngày 05/5/2016. Do hai con chung là bé gái hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên để đảm bảo cho sự phát triển tốt về tâm sinh lý của hai cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Kim N và Kim A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do vắng mặt ông L nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân*: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị T đối với ông Trần Kim L.

- Về con chung: giao cháu Trần Kim N (nữ) sinh ngày 17/10/2013 và Trần Kim A (nữ) sinh ngày 05/5/2016 cho bà Ngô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Kim L không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: do xét xử vắng mặt ông L nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 002280 ngày 04/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận NK thành án phí. Đương sự đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- Lưu hồ sơ.

Lê Anh Q